

CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TNI-QLDN1
V/v thanh toán tiền lương đối với
trường hợp người lao động nước
ngoài làm việc được trả lương tại
Việt Nam và trường hợp người
lao động nước ngoài di chuyển
trong nội bộ doanh nghiệp.

Tây Ninh, ngày tháng năm

Kính gửi: Công ty TNHH Một thành viên Kyouwa Việt Nam;
Mã số thuế: 1101497090;
Địa chỉ nhận thông báo: Lô 3A-27, đường số 10, Khu
Công nghiệp Long Hậu 3 (Giai đoạn 1), xã Càn Giuộc,
tỉnh Tây Ninh.

Trả lời văn bản không số ngày 19/11/2025 của Công ty TNHH Một thành viên Kyouwa Việt Nam (gọi tắt là Công ty) về việc thanh toán tiền lương đối với trường hợp người lao động nước ngoài làm việc được trả lương tại Việt Nam và trường hợp người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp, Thuế tỉnh Tây Ninh có ý kiến như sau:

1. Về quan hệ lao động, hợp đồng lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Khoản 5 Điều 3 của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 quy định: "*Quan hệ lao động là quan hệ xã hội phát sinh trong việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động, người sử dụng lao động, các tổ chức đại diện của các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quan hệ lao động bao gồm quan hệ lao động cá nhân và quan hệ lao động tập thể*".

- Khoản 1 Điều 13 của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 quy định: "*Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động. Trường hợp hai bên thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên thì được coi là hợp đồng lao động*". Đồng thời, điểm đ khoản 1 Điều 21 của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 quy định một trong các nội dung chủ yếu của hợp đồng lao động là: "*Mức lương theo công việc hoặc chức danh, hình thức trả lương, thời hạn trả lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác*".

- Khoản 1 Điều 90 của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 quy định: "*Tiền lương là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thỏa thuận để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác*".

Mặt khác, điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 quy định về người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc

Địa chỉ cơ quan: số 10, Quốc lộ 1, Phường Long An, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 0272 3826 196, 0272 3826 042

đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc khi làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên với người sử dụng lao động tại Việt Nam, trừ trường hợp *“di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam”*.

Điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam quy định về hình thức làm việc của người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam là *“thực hiện hợp đồng lao động”*. Đồng thời, khoản 4 Điều 22 của Nghị định số 219/2025/NĐ-CP quy định: *“Đối với người lao động nước ngoài theo quy định tại các điểm a và m khoản 1 Điều 2 Nghị định này, sau khi người lao động nước ngoài được cấp giấy phép lao động thì người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến làm việc...”*.

Trường hợp người lao động nước ngoài làm việc được trả lương tại Việt Nam thì trước ngày dự kiến làm việc, người sử dụng lao động phải đề nghị cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài và thực hiện ký kết hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động, tham gia bảo hiểm xã hội tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Về hình thức làm việc "di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp"

Điểm b khoản 13 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP quy định trường hợp người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là: *“di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp: Di chuyển có thời hạn trong nội bộ doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam thuộc phạm vi 11 ngành dịch vụ theo biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam với tổ chức thương mại thế giới và đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục”*.

Trường hợp người lao động nước ngoài làm việc theo hình thức *“di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp”* thì người sử dụng lao động phải đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 219/2025/NĐ-CP, trong đó, điểm c khoản 5 Điều 8 đã quy định về giấy tờ chứng minh đối với trường hợp này là: *“văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật theo quy định tại Điều 19 Nghị định này kèm theo văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam làm việc”*.

Do đó, trường hợp *“người lao động nước ngoài được trả lương”* (thực hiện đề nghị cấp giấy phép lao động) và trường hợp *“người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp”* (thực hiện đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động) là hai trường hợp khác nhau theo quy định của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

3. Các khoản chi được trừ và các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định 320/2025/NĐ-CP quy định các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế như sau:

“Điều 9. Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ quy định tại Điều 10 của Nghị định này, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ điều kiện tại các điểm a, b và c sau đây:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả khoản chi phí bổ sung được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp;

...

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

...

c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

...”

Đồng thời, tại khoản 8 Điều 10 Nghị định 320/2025/NĐ-CP quy định các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế như sau:

“Điều 10. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

1. Các khoản chi không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 9 của Nghị định này.

...

8. Chi cho người lao động thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Chi tiền lương, tiền công và các khoản phải trả khác cho người lao động doanh nghiệp đã hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế không chi trả hoặc không có chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật;

b) Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động hoặc văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử người sang làm việc tại Việt Nam (đối với trường hợp người nước ngoài được điều chuyển hoặc di chuyển trong nội bộ Tập đoàn, giữa công ty mẹ với công ty con); Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn.

...”

Căn cứ các quy định nêu trên, khi thanh toán tiền lương cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam thì doanh nghiệp áp dụng đúng nghĩa vụ về hợp đồng, giấy phép lao động và bảo hiểm xã hội. Khi đó, chi phí tiền lương cho người lao động nước ngoài làm việc được trả lương tại Việt Nam và chi phí tiền lương cho lao động nước ngoài di chuyển nội bộ và điều chuyển từ nước ngoài

được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN nếu đáp ứng các điều kiện khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Đề nghị Công ty căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị, đối chiếu với quy định tại văn bản pháp luật nêu trên để thực hiện đúng quy định.

Thuế tỉnh Tây Ninh trả lời cho Công ty được biết và thực hiện theo đúng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BLĐ Thuế tỉnh;
- Phòng NVDTPC; KTr1;
- Trang web Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, QLDN1, Truyền.

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**

Nguyễn Tấn Lợi